

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

Số: 20/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TT, ngày 28 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HOÀ GIẢI THÀNH**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH T

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 32, 33, 34, 35 và 36 Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án ngày 09 tháng 6 năm 2021, về việc các bên thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con khi ly hôn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con giữa:

- *Người yêu cầu:* Chị Lê Thị X; Sinh năm: 1992
Anh Lê Viết T; Sinh năm: 1987

Cùng địa chỉ: Thôn HT, xã TH, huyện TT, tỉnh T.

XÉT THẤY:

Nội dung thoả thuận, thống nhất của các bên được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải tại Toà án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải và tài liệu kèm theo. Không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hoà giải thành tại Toà án của các bên cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị X và anh Lê Viết T thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Chị X và anh T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Viết Bảo N, sinh ngày 26/10/2013 và cháu Lê Bảo A, sinh ngày 16/03/2016. Sau khi ly hôn chị X và anh T thoả thuận giao cả hai con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị X. Anh T được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Chị Lê Thị X và anh Lê Viết T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị X và anh Lê Viết T thống nhất, thỏa thuận chị X phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị X đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số: AA/2018/0003165 ngày 10/6/2021. Chị Lê Thị X đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã TL;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân